

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7- 2021

V/v tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trương Thành Tuấn

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** không tham gia

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:153/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm: 19893 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang

Tạm trú: Tổ 2, ấp Tân M, xã Mỹ Hội Đ, huyện T, An Giang.

2.*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22.4/2021, nguyên đơn chị Trần Thị Ánh T trình bày:*

***-Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Nguyễn Văn B quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tại xã C. Sau khi kết hôn tôi về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm 2018 chúng tôi có nhà ra riêng cất trên đất của cha mẹ tôi. Chúng tôi sống êm ấm được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, anh B sinh ra ham mê cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo đến gia đình

vợ con. Từ đó bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chúng tôi luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ánh T, sinh ngày 12/8/2012. Hiện cháu đang sống với chị. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn B*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn B vắng mặt buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/7/2021 anh B trình bày. Về hôn nhân: Tôi cũng đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Ánh T. Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Ánh T, sinh năm: 2012. Sau ly hôn tôi đồng ý để cháu T cho chị T nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: không có. Hiện tại anh đi làm thuê, do tình hình dịch bệnh đi lại khó khăn nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn B là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị T và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn B theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh An Giang Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị T trình bày sau khi kết hôn tôi về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm 2018 chúng tôi có nhà ra riêng cất trên đất của cha mẹ tôi. Chúng tôi sống êm ấm được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, anh B sinh ra ham mê cờ bạc, gây nợ nần, không chăm lo đến gia đình vợ con. Từ đó bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chúng tôi luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Còn anh Nguyễn Văn B cũng đồng ý ly hôn tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/7/2021.

Xét thấy với thời gian dài chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với anh B. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/7/2021 anh B cũng đồng ý ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ánh T, sinh ngày 12/8/2012. Hiện cháu đang sống với chị T. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Còn anh B cũng đồng ý để cháu T cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T từ nhỏ cho đến nay đều sống với chị T, được chị T chăm sóc ổn định. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/7/2021 thì chị T cho rằng cháu T đang sống với chị tại Bình Dương nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cháu T được, tuy nhiên cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị T. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Ánh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Trần Thị Ánh T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ánh T. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn B

Giấy chứng nhận kết hôn số: 168 /KH, ngày 12/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ánh T, sinh ngày 12/8/2012. Hiện cháu T đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T được tiếp tục nuôi cháu T, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh B

được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu T, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Ánh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007359 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mỹ Dung**